

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1017*/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *31* tháng 3 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030  
của Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;*

*Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5256/TTr-SNN ngày 16 tháng 12 năm 2020; Văn bản 786/SNN-CCKL ngày 02 tháng 3 năm 2021; Văn bản số 1087/SNN-CCKL ngày 23 tháng 3 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2030

của Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú (kèm theo Phương án), với các nội dung chính như sau:

### 1. Mục tiêu phương án

a) Mục tiêu chung: Quản lý bảo vệ rừng, phát triển và sử dụng bền vững, hài hòa, hiệu quả các mục tiêu về môi trường, kinh tế và xã hội; triển khai thực hiện quản lý, sử dụng đất rừng theo đúng quy hoạch sử dụng đất; tập trung vào công tác bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, các hệ sinh thái rừng đặc trưng, các loài động, thực vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm bị đe dọa; nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng bằng các biện pháp lâm sinh phù hợp; hợp tác, liên kết nâng cao chuỗi giá trị, nguồn gốc của các sản phẩm lâm nghiệp; chú trọng phát triển lợi thế về du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí, dịch vụ môi trường rừng qua đó từng bước tự chủ về tài chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới; tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, ổn định tỷ lệ che phủ rừng của địa phương.

#### b) Mục tiêu cụ thể:

- Về môi trường: Bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có 17.415,75 ha và 262,92 ha rừng khoanh nuôi, rừng trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng, duy trì tỷ lệ che phủ rừng của Ban quản lý đến năm 2030 đạt 13,6% trên địa bàn huyện Định Quán và 5,4% trên địa bàn huyện Tân Phú. Chú trọng các giải pháp tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, bảo vệ các hệ sinh thái rừng đặc trưng, các loài động thực vật rừng nguy cấp quý, hiếm, bị đe dọa; triển khai các đề tài nghiên cứu, giám sát đa dạng sinh, theo dõi giám sát tài nguyên rừng.

Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên thông qua biện pháp nuôi dưỡng 3.884,52 ha rừng tự nhiên; trồng mới 74,02 ha rừng sản xuất; trồng lại 244,16 ha rừng sau khai thác; trồng lại cây gỗ lớn trên diện tích 1.718,07 ha khoán cho hộ gia đình; lập hồ sơ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên diện tích 245 ha rừng trồng sản xuất.

- Về xã hội: Khuyến khích mời gọi các tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết, liên doanh, thuê môi trường rừng với đơn vị trong đầu tư phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; tổ chức các đợt tuyên truyền, ký cam kết, diễn tập nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng tới các hộ gia đình nhận khoán, người dân đang sinh sống trên lâm phận quản lý; hàng năm tạo việc làm cho khoảng hơn 1.000 lao động địa phương tham gia vào công tác bảo vệ phát triển rừng và hoạt động du lịch sinh thái.

Đầu tư nâng cấp, sửa chữa 29 km phục vụ quản lý, bảo vệ rừng; xây dựng 01 phân trường, 04 nhà trạm bảo vệ rừng, nhà bếp; nâng cấp sửa chữa trụ sở đơn vị, 02 phân trường, 04 nhà trạm bảo vệ rừng, 05 chòi canh lửa; mua sắm và sửa chữa phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, viên chức văn phòng.

- Về kinh tế: Tập trung rà soát, điều chỉnh trình phê duyệt và tổ chức thực hiện đề

án phát triển du lịch sinh thái theo lộ trình, trước mắt mời gọi các doanh nghiệp hợp tác đầu tư phát triển du lịch sinh thái khu vực Bầu nước sôi và khu vực Thác Mai, dự kiến đến năm 2025 nguồn thu đạt trên 5 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 10 tỷ đồng; tăng cường bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi nhằm nâng cao chất lượng rừng qua đó tăng nguồn thu từ các dịch vụ môi trường rừng và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, dự kiến bình quân 5 tỷ đồng đến năm 2025 và 10 tỷ đồng đến năm 2030.

Khai thác 244,16 ha rừng trồng sản xuất; tía thưa 73,33 ha rừng trồng phòng hộ; chặt nuôi dưỡng 58,7 ha rừng trồng sản xuất khoán cho các hộ dân. Thông qua các nguồn thu, phân đầu tư chủ về tài chính đạt 40% vào năm 2025 và 70% đến năm 2030.

## 2. Các kế hoạch thực hiện phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030

### a) Kế hoạch sử dụng đất

- Diện tích 18.050,1 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất trong 10 năm như sau:

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn: 14.499,37 ha ( diện tích rừng tự nhiên 12.845,28 ha, diện tích rừng trồng 1.370,27 ha và diện tích chưa có rừng 283,82 ha).

+ Rừng sản xuất: 3.379,76 ha (rừng tự nhiên 562,51 ha, rừng trồng 2.501,75 ha và diện tích chưa có rừng 315,5 ha).

- Diện tích theo quy hoạch 03 loại rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú đến năm 2030 là 17.879,13 ha, giảm so với hiện trạng là 170,97 ha, cụ thể:

+ Diện tích rừng phòng hộ giảm 778,61 ha (trong đó theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh) là do: chuyển ra ngoài quy hoạch ba loại rừng là 120,49 ha để thực hiện các dự án và ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội của địa phương như: đất sản xuất nông nghiệp 13,96 ha, đất phi nông nghiệp (giao thông, đất ở nông thôn, sản xuất vật liệu xây dựng, tôn giáo và trụ sở) 106,53 ha; chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất 803,95 ha; cộng bổ sung diện tích ngoài ba loại rừng do UBND xã quản lý được quy hoạch vào rừng phòng hộ 23,55 ha và cộng diện tích chuyển từ rừng sản xuất sang quy hoạch rừng phòng hộ 122,28 ha.

+ Diện tích rừng sản xuất tăng 607,64 ha là do: chuyển ra ngoài quy hoạch ba loại rừng là 98,07 ha (theo Quyết định 3660/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh là 89,46 ha và theo Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 8,61 ha) để thực hiện các dự án và ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội của địa phương như: đất sản xuất nông nghiệp 0,73 ha, đất phi nông nghiệp (giao thông, đất ở nông thôn, sản xuất vật liệu xây dựng, thương mại, trụ sở và nghĩa trang) 97,34 ha; chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ 122,28 ha; cộng bổ sung diện tích ngoài ba loại rừng do UBND xã quản lý được quy hoạch vào rừng sản xuất 24,04 ha và cộng diện tích chuyển từ rừng phòng hộ sang quy hoạch rừng sản xuất 803,95 ha.

### b) Kế hoạch khoán bảo vệ rừng:

- Thực hiện chuyển đổi hợp đồng giao khoán theo các chính sách giao khoán trước đây sang hợp đồng khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ với diện tích 2.750,72 ha và lập hợp đồng giao khoán đối với diện tích hộ dân đang canh tác, sản xuất chưa lập được hợp đồng giao khoán là 1.126,93 ha. Trong diện tích giao khoán ổn định có 400 ha rừng trồng từ nguồn vốn chương trình 327, 661 được khoán bảo vệ rừng hàng năm và kinh phí chi trả từ nguồn Ngân sách nhà nước. Hàng năm Ban quản lý thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu để chi trả tiền khoán bảo vệ. Trong giai đoạn tới tiếp tục thực hiện chi trả khoán bảo vệ rừng đối với diện tích này, hàng năm xây dựng kế hoạch trình phê duyệt và thực hiện theo quy định.

- Khoán bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên toàn bộ diện tích khoán ổn định có đủ tiêu chí cung cấp các dịch vụ môi trường rừng được quy định tại Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai và diện tích rừng giao cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

c) Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

- Tiến hành lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất của Ban quản lý và lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý; rà soát, cập nhật chi tiết hồ sơ quản lý đối với diện tích đất lâm chiếm để theo dõi và quản lý.

- Triển khai thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; kiểm tra và phát hiện kịp thời tình hình sâu bệnh trên cây rừng và các loài sinh vật ngoại lai.

- Trên cơ sở phân vùng các khu rừng có giá trị bảo tồn cao tiếp tục theo dõi, giám sát và thực hiện các biện pháp bảo tồn như: Tiếp tục công tác nghiên cứu, tìm và phát hiện ra những loài mới, những loài nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu của khu rừng; thiết lập các ô định vị sinh thái rừng để theo dõi diễn biến rừng, theo dõi chất lượng rừng;...

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Kế hoạch phát triển và sử dụng rừng

- Nuôi dưỡng rừng tự nhiên với diện tích 3.884,52 ha.

- Trồng mới rừng sản xuất với diện tích 74,02 ha.

- Trồng lại rừng sau khai thác với diện tích 244,16 ha.

- Trồng cây gỗ lớn nâng cao chất lượng rừng với diện tích 1.718,07 ha.

- Trồng cây phân tán tạo cảnh quan trong các điểm du lịch, tăng diện tích cây xanh góp phần nâng cao độ che phủ của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Khai thác rừng trồng sản xuất với diện tích 244,16 ha.

- Tỉa thưa rừng trồng phòng hộ và sản xuất với diện tích 132,03 ha.

- Khai thác lâm sản ngoài gỗ tre, lồ ô, uoi và các loài dược liệu: khai thác bền vững lâm sản ngoài gỗ, phù hợp với các quy định cho phép của pháp luật và chủ trương của UBND tỉnh, góp phần quản lý bảo vệ rừng được tốt hơn.

- Rà soát đất trống để trồng rừng thay thế cho diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (nếu có)

đ) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực

- Thực hiện 05 đề tài nghiên cứu: xác định phương pháp bảo tồn và phát triển loài cây Trắc; phương pháp bảo tồn và phát triển một số loài thực vật quý, hiếm, đe dọa và nguy cấp phù hợp với điều kiện tự nhiên; giải pháp tổng thể giải quyết mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, nông thôn ở vùng gần rừng với công tác bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học theo hướng bền vững; các mô hình sinh kế bền vững gắn với công tác bảo vệ rừng của cộng đồng địa phương; thành phần, phân bố các loài thực vật có giá trị và đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững. Các nội dung điều tra cần tập trung bao gồm đánh giá hiện trạng, khả năng sử dụng, giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững các loài thực vật có giá trị ...

- Đào tạo về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ: quản lý cơ sở dữ liệu, kỹ thuật viễn thám và bản đồ; điều tra, theo dõi, giám sát tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; du lịch sinh thái. Đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, quản lý nhà nước và chính trị.

e) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Định hướng các loại hình du lịch sinh thái: Du lịch thiên nhiên; du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch sinh thái kết hợp nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện; du lịch cộng đồng,....

- Định hướng các sản phẩm du lịch: Dịch vụ thư giãn, tắm suối khoáng nóng; dịch vụ nghỉ dưỡng qua đêm ở các biệt thự, bungalow ven hồ; dịch vụ nghỉ dưỡng sinh thái qua đêm ở các nhà trải nghiệm trong rừng sâu và nhà trên cây; dịch vụ tập yoga và thực hành thiền trong rừng; dịch vụ dã ngoại, leo núi, khám phá thiên nhiên, đu dây chinh phục các thác nước và chèo thuyền trên sông La Ngà; dịch vụ du lịch sinh thái kết hợp hội nghị, hội thảo (MICE); dịch vụ trọn gói du lịch tham quan, học tập các tuyến, điểm; tổ chức các tuyến học tập, tham quan, khám phá các làng nghề kết hợp du lịch cộng đồng theo các mô hình homestay...; dịch vụ nhà hàng ăn uống ẩm thực, mua sắm; dịch vụ giải trí, vận động ngoài trời, camping, nghệ thuật trình diễn; dịch vụ tham quan, tìm hiểu về các hệ sinh thái rừng, các loài thực vật và động vật hoang dã.

- Định hướng tuyến, điểm du lịch: 07 tuyến ở khu vực huyện Định Quán và 01 tuyến ở khu vực huyện Tân Phú, lấy vị trí trung tâm là khu vực Bàu nước sôi để phát triển đi các tuyến. Các tuyến kết nối với các điểm du lịch trong huyện và các tuyến kết nối trong vùng và khu vực ngoài tỉnh. Định hướng các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên lâm phận Ban quản lý như: khu vực Bàu nước sôi, Thác Mai, Hang Dơi.

g) Kế hoạch sản xuất lâm, nông ngư kết hợp: tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng các mô hình sản xuất nông lâm ngư kết hợp hiệu quả; triển khai nhân rộng các mô hình nông lâm ngư kết hợp hiệu quả.

h) Kế hoạch xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng: Trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, trong giai đoạn năm 2021 – 2030 sẽ thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng gồm: Xây dựng mới nhà, trạm quản lý bảo vệ rừng; nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng nhà, trạm quản lý bảo vệ rừng, các tuyến đường tuần tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, chòi canh lửa, các điểm lấy nước chữa cháy rừng,... Các công trình phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thể hiện tại Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Ban quản lý.

j) Kế hoạch hoạt động dịch vụ cộng đồng: hỗ trợ cộng đồng dân cư xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất canh tác nông lâm ngư nghiệp có hiệu quả, bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường và phù hợp với tập quán địa phương; tham gia đội văn nghệ, biểu diễn văn hóa, lễ hội dân tộc; tham gia nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, giới thiệu cho du khách các sản phẩm từ nông nghiệp, văn hóa, sinh hoạt gắn liền với người bản địa; tham gia tuyển dụng vào làm các dịch vụ quản lý bảo vệ rừng, trồng, chăm sóc rừng, tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng,...

k) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng:

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh và thực hiện Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 02 bổ sung các cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp khi UBND tỉnh phê duyệt.

- Cho thuê môi trường rừng: trên cơ sở tiềm năng và giá trị tài nguyên thiên nhiên trong khu vực, dự kiến các điểm/khu vực trong vùng dự án có thể cho thuê môi trường rừng như: khu vực Bàu nước sôi, Thác Mai, Hang Dơi, Thác trời, Thác Reo,...

l) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng:

- Tuyên truyền giáo dục để người dân địa phương hiểu rõ các giá trị của tài nguyên sinh vật, cảnh quan, môi trường của hệ sinh thái rừng, hiểu biết các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, triển khai các lớp tập huấn, tuyên truyền, diễn tập về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ rừng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, các tổ phòng cháy, chữa cháy rừng tại các xã trên địa bàn.

m) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng quan tài nguyên rừng vùng dự án phục vụ cho việc quản lý bằng công nghệ thông tin ở khu rừng.

n) Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: xây dựng hồ sơ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên diện tích 245 ha rừng trồng sản xuất.

3. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 185.202,7 triệu đồng, trong đó:

a) Phân theo giai đoạn

- Giai đoạn năm 2021 – 2025: 105.370,7 triệu đồng;

- Giai đoạn năm 2026 – 2030: 79.832,0 triệu đồng.

b) Phân theo hạng mục đầu tư

- Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng: 23.447,4 triệu đồng;

- Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: 59.243,8 triệu đồng;

- Phát triển rừng: 36.867,2 triệu đồng;

- Khai thác lâm sản: 7.122,6 triệu đồng;

- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 19.103 triệu đồng;

- Sản xuất nông lâm ngư kết hợp: 1.600 triệu đồng;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 24.633,2 triệu đồng;

- Dịch vụ cho cộng đồng: 500 triệu đồng;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật 1.700 triệu đồng;

- Diễn biến tài nguyên, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: 2.000 triệu đồng;

- Xây dựng hồ sơ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: 2.940 triệu đồng

- Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng: 6.045,5 triệu đồng.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: thực hiện theo Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đã được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Phân theo nguồn vốn

- Ngân sách Nhà nước: 115.365,1 triệu đồng;

- Dịch vụ môi trường rừng: 21.247,4 triệu đồng;

- Sản xuất kinh doanh: 31.326,6 triệu đồng;

- Xã hội hóa: 10.263,6 triệu đồng

- Hỗ trợ quốc tế: 7.000 triệu đồng.

4. Giải pháp thực hiện Phương án

a) Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực: Rà soát bộ máy quản lý của đơn vị cho hợp lý, đảm bảo thực hiện có hiệu quả. Xác định chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban, đơn vị phân công phụ trách công việc phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ khả năng từng người trong thực hiện công tác quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện mang tính chất phối hợp, giữa lãnh đạo đơn vị với các phòng chuyên môn, các phân trường, trạm chốt bảo vệ rừng về công tác bảo vệ và phát triển rừng. Tổ chức lực lượng chuyên trách và bán

chuyên trách trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, thiết lập mạng lưới trạm bảo vệ rừng và đường tuần tra trong phạm vi lâm phận quản lý. Tổ chức, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tuần tra trên toàn bộ diện tích rừng do đơn vị quản lý, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi hủy hoại rừng và phá rừng.

b) Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan: Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương các xã có rừng, tuyên truyền Luật Lâm nghiệp, Nghị định, Thông tư hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã nơi có đất của đơn vị được giao quản lý và các cơ quan chức năng của huyện Định Quán, Tân Phú để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng gắn với giữ gìn an ninh trật tự trong lâm phận theo quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân huyện Định Quán và Tân Phú. Phối kết hợp với lực lượng Quân sự, Công an, Kiểm lâm huyện, Ủy ban nhân dân và công an các xã trên địa bàn, tổ chức lực lượng thường xuyên trực, tuần tra, kiểm tra rừng, truy quét, ngăn chặn, bắt giữ xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm pháp luật, bảo vệ rừng. Phối hợp, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

c) Giải pháp về khoa học, công nghệ: Ứng dụng ảnh viễn thám – GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai. Tạo ra các mô hình nông lâm kết hợp cho từng vùng, từng khu vực quản lý nhằm tăng năng suất cây trồng, ổn định đời sống cho những hộ nhận khoán, những cán bộ quản lý thường xuyên bám rừng.

d) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư thực hiện phương án quản lý rừng bền vững bao gồm ngân sách nhà nước cấp, vốn sản xuất kinh doanh, vốn xã hội hóa, một phần vốn dịch vụ môi trường rừng và một phần là vốn hỗ trợ quốc tế. Huy động vốn từ nguồn vốn xã hội hóa, vốn hỗ trợ quốc tế để bảo vệ, phát triển rừng hiện có, bảo tồn đa dạng sinh học và nghiên cứu khoa học tại đơn vị và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

đ) Giải pháp về thị trường: Tìm hiểu về thị trường du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đang thu hút khách tham quan và phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị để phát triển dịch vụ du lịch. Tăng cường sự hợp tác, nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho các trường Đại học đưa sinh viên đến thực tập, qua đó quảng bá hình ảnh khu rừng với các loài động vật, thực vật đặc trưng; là một trung tâm phát triển du lịch sinh thái với các sản phẩm du lịch khám phá thiên nhiên, khám phá văn hóa, ẩm thực bản địa có đẳng cấp và trách nhiệm với môi trường, xã hội. Thường xuyên có những hoạt động thu hút khách tham quan khác nhau bằng cách: Có thể truyền tải những cảnh đẹp trên mạng xã hội, trên báo chí, truyền hình...

e) Giải pháp khác: Lưu trữ và phổ biến cho công chức, viên chức và người lao động của đơn vị về các công ước quốc tế có liên quan đến các hoạt động của đơn vị mà Nhà nước đã ký kết. Tham vấn với cộng đồng địa phương về các tác động xấu có thể xảy ra đối với họ trong quá trình sản xuất hoạt động lâm nghiệp. Bổ sung và lưu trữ một cách hệ thống và đầy đủ tài liệu, văn bản liên quan đến các yêu cầu của quản

lý rừng bền vững. Thực hiện quản lý, lập kế hoạch giám sát, theo dõi và báo cáo hàng tháng, quý, năm đúng các yêu cầu của quản lý rừng bền vững. Nghiên cứu xây dựng một số mô hình phát triển sinh kế cho cộng đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú: chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành. Hàng năm xây dựng kế hoạch, phương án, dự án, hồ sơ thiết kế cho từng hạng mục vụ thể trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện; việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn khác có liên quan. Định kỳ hàng năm, 05 năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, đơn vị liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú trong quá trình tổ chức thực hiện phương án.

3. Sở Tài chính: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hàng năm của đơn vị, căn cứ tình hình ngân sách của địa phương, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cùng đơn vị liên quan thẩm định, đề xuất tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho phù hợp để đơn vị thực hiện phương án.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hàng năm của đơn vị nếu có hạng mục và công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề xuất tham mưu trình UBND tỉnh về khả năng cân đối vốn, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công; phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đề xuất tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các giải pháp đẩy mạnh, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú.

5. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú tổ chức thực hiện phương án.

6. Ủy ban nhân dân các huyện: Định Quán, Tân Phú phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện Phương án theo đúng các nội dung đã được phê duyệt, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Định Quán, Tân Phú; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này để thi hành./. *bu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, KTN (Minhdc)

03-2021

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Võ Văn Phi**